

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
của Bộ Giao thông vận tải kỳ 2014 - 2018**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thống nhất trong cả nước kỳ 2014 – 2018;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 – 2018 của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thủ trưởng;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, PC (6b).



Nguyễn Văn Thế

KẾ HOẠCH
Thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
của Bộ Giao thông vận tải kỳ 2014 – 2018

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~847~~ ngày ~~27~~ tháng 4 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 2 Điều 170), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 164) thì văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực phải được định kỳ hệ thống hóa và công bố kết quả hệ thống hóa 05 năm một lần. Để việc triển khai nhiệm vụ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo định kỳ bảo đảm tiến độ, chất lượng, Bộ Giao thông vận tải ban hành Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (văn bản) kỳ 2014 – 2018 của Bộ Giao thông vận tải như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định cụ thể nội dung các công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành, trách nhiệm của các đơn vị trong việc tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản; bảo đảm công bố đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, giúp công tác xây dựng, áp dụng, thi hành pháp luật được hiệu quả, thuận tiện, tăng cường tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.

b) Đánh giá một cách toàn diện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực giao thông vận tải nhằm phát hiện những tồn tại, hạn chế, bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu tính khả thi; những vấn đề còn thiếu, chưa phù hợp với các luật mới ban hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan hoặc không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội để kiến nghị bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực hệ thống hóa.

c) Xác định cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các Vụ, Tổng cục, Cục thuộc Bộ trong việc tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản.

2. Yêu cầu

a) Các đơn vị thuộc Bộ bố trí cán bộ, công chức có năng lực, nghiệp vụ, hiểu biết pháp luật triển khai thực hiện nhiệm vụ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

- b) Xác định cụ thể thời gian, tiến độ hoàn thành công việc;
- c) Thủ trưởng các cơ quan có trách nhiệm hệ thống hóa văn bản tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các công việc theo đúng Kế hoạch.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN

1. Đối tượng hệ thống hóa văn bản

Đối tượng hệ thống hóa văn bản là văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực và văn bản quy phạm pháp luật được ban hành nhưng chưa có hiệu lực tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018 thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải (trừ Hiến pháp), bao gồm:

- a) Luật;
- b) Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- c) Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- d) Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;
- đ) Nghị định của Chính phủ;
- e) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- g) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Phạm vi hệ thống hóa văn bản

Phạm vi hệ thống hóa văn bản là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018 qua rà soát xác định còn hiệu lực (bao gồm cả các văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa được ban hành nhưng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa có hiệu lực) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

III. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản kỳ 2014-2018

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Vụ Pháp chế.
- Đơn vị phối hợp: Các Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Tháng 04 năm 2018.

2. Tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018

2.1. Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Tập hợp và xác định các văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa bao gồm:

(i) Các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Giao thông vận tải do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành từ ngày 01/1/2014 đến 31/12/2018 còn hiệu lực.

(ii) Văn bản thuộc lĩnh vực Giao thông vận tải được ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2014 - 2018 nhưng chưa có hiệu lực tính đến ngày 31/12/2018.

- Thời hạn hoàn thành: 15/9/2018

b) Lập các danh mục văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể như sau:

(i) Danh mục văn bản QPPL còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị trong kỳ hệ thống hóa 2014 - 2018, gồm cả văn bản QPPL hết hiệu lực một phần và văn bản chưa có hiệu lực tính đến thời điểm hệ thống hóa (theo mẫu số 05 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP);

(ii) Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị trong kỳ hệ thống hóa 2014 - 2018 (theo mẫu số 03 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP);

(iii) Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị trong kỳ hệ thống hóa 2014 - 2018 (theo mẫu số 04 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP);

(iv) Danh mục văn bản QPPL cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị trong kỳ hệ thống hóa 2014-2018 (theo mẫu số 06 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

- Thời hạn hoàn thành: 30/9/2018

c) Sắp xếp các văn bản còn hiệu lực theo các tiêu chí quy định tại Điều 168 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Thời hạn hoàn thành: 15/10/2018

d) Gửi kết quả các Danh mục các văn bản về Vụ Pháp chế tổng hợp trước ngày 30/10/2018.

2.2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản phục vụ hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018 cho các đơn vị thuộc Bộ

- Thời gian thực hiện: Năm 2018

b) Kiểm tra, rà soát lại kết quả Danh mục văn bản do các đơn vị gửi về theo đúng quy định tại mục 3 Chương IX Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Thời hạn hoàn thành: Tháng 11- tháng 12/2018

c) Phối hợp với các đơn vị tổ chức các buổi làm việc để rà soát, chuẩn hóa Danh mục văn bản; trường hợp cần thiết thành lập Hội đồng để kiểm tra kết quả rà soát.

- Thời hạn thực hiện: Tháng 12/2018 - tháng 1/2019.

d) Sắp xếp các văn bản còn hiệu lực thành Tập hệ thống hóa văn bản và trình Bộ kết quả Tập hệ thống hóa cùng các Danh mục

- Thời hạn hoàn thành: Tháng 1/2019

đ) Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018:

- Thời hạn hoàn thành trước ngày 30/1/2019.

e) Xây dựng Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018 tại Bộ Giao thông vận tải gửi Bộ Tư pháp

- Thời gian hoàn thành: Tháng 3/2019

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Pháp chế chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, các đơn vị thuộc Bộ trong việc thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả và báo cáo Lãnh đạo Bộ về kết quả thực hiện việc hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại các đơn vị thuộc Bộ.

2. Các đơn vị thuộc Bộ căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch này để triển khai cụ thể tại đơn vị; phối hợp với Vụ Pháp chế tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ được giao theo phân công. Tổ chức pháp chế ở Tổng cục và tương đương có trách nhiệm giúp thủ trưởng đơn vị tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

3. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hằng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

